hǎi yáng shēng wù

海洋生物

hǎi dài 海带	hǎi mǎ 海马	xiǎo xiā 小虾	hǎi tǎ 海獭
shuǐ mǔ 水母	hǎi xīng 海星	xiǎo yú 小鱼	hǎi guī 海龟
hǎi dǎn 海胆	páng xiè 螃蟹	zhāng yú 章鱼	hǎi yáng 海洋

LIVEWORKSHEETS